

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 23/2018/HS-PT
Ngày: 14-3-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Triền.

Các Thẩm phán:

+ Bà Trương Thị Tuyên;

+ Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 23/2018/TLPT-HS ngày 05 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị U; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 46/2017/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D.

- Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Thị U, sinh năm 1956 tại tỉnh Bình Dương; cư trú tại: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1924 (đã chết) và bà Thái Thị H, sinh năm 1927 (đã chết); có chồng là Dương Văn M, sinh năm 1952 và 05 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự lần nào và chưa bị xử lý vi phạm hành chính lần nào; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28-10-2017 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Anh Phạm Văn V, sinh năm 1984 (đã chết).

- Người đại diện theo pháp luật của bị hại:

1. Ông Phạm Văn S, sinh năm 1962, cha của bị hại;

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963, mẹ của bị hại;

3. Chị Trần Thị H, sinh năm 1989, vợ của bị hại;

4. Cháu Phạm Văn Minh H, sinh năm 2008, con của bị hại;

5. Cháu Phạm Văn Minh Q, sinh năm 2016; con của bị hại;

Cùng cư trú tại: Ấp C, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị T (theo Văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 11 năm 2017) đồng thời là người đại diện theo pháp luật của cháu Phạm Văn Minh H, Phạm Văn Minh Q là: Chi Trần Thị H; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị U là người không có giấy phép lái xe theo quy định. Khoảng 8 giờ, ngày 21 tháng 9 năm 2017, U điều khiển xe mô-tô biển số 70H4-8176, lưu thông trên đường 784 theo hướng từ xã M, huyện D đến xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Khi đến đoạn đường thuộc khu vực ấp A, xã M, huyện D, U điều khiển xe chuyển hướng từ phần đường bên phải sang phần đường bên trái theo hướng đi để vào Cây xăng số 43 đồ xăng. Khi chuyển hướng, U không mở đèn tín hiệu và thiếu quan sát nên không nhìn thấy anh Phạm Văn V điều khiển xe mô-tô hiệu MAX II Kawasaki (không biển số) đang chạy cùng chiều từ phía sau. Do khoảng cách quá gần anh V không thể tránh kịp nên đụng vào xe mô-tô do U điều khiển gây tai nạn.

Hậu quả làm anh V bị thương phải đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh và tử vong do bị chấn thương sọ não theo Kết luận giám định số: 140/PY-2017 ngày 28-9-2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an tỉnh Tây Ninh.

Kết luận giám định số: 163/GTR.2017 ngày 25-9-2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Mẫu máu thu được của Phạm Văn V không có nồng độ cồn trong máu.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 46/2017/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị U phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị U 01 (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về các biện pháp tư pháp, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018, bị cáo Nguyễn Thị U có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo, với lý do: Bản thân bị cáo mang nhiều bệnh, trong đó có bệnh thiếu máu não.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử xem xét chiếu cố cho bị cáo để hưởng án treo, vì đã lớn tuổi (tuổi thật hiện nay là 64 tuổi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào khoảng 08 giờ, ngày 21 tháng 9 năm 2017, Nguyễn Thị U (không có giấy phép lái xe) điều khiển xe mô-tô biển số 70H4-8176 chuyển hướng từ phần đường bên phải sang phần đường bên trái theo hướng đi để vào đồ xăng tại Cây xăng số 43, thuộc khu vực ấp A, xã M, huyện D, tỉnh Tây Ninh nhưng thiếu quan sát và không bật đèn tín hiệu báo rẽ hướng; dẫn đến anh Phạm Văn V điều khiển xe mô-tô hiệu MAX II Kawasaki (không biển số) đang chạy cùng chiều với khoảng cách gần từ phía sau không tránh kịp, đụng vào xe mô-tô do U điều khiển gây tai nạn. Hậu quả làm anh Phạm Văn V tử vong do chấn thương sọ não.

Bản án Hình sự sơ thẩm số: 46/2017/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D xét xử bị cáo Nguyễn Thị U về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ, không oan.

[2] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến an toàn, trật tự công cộng, gây thiệt hại cho tính mạng của người khác; bị cáo điều khiển mô-tô khi chưa có giấy phép lái xe, chuyển hướng không bảo đảm an toàn dẫn đến xảy ra tai nạn, lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo; hậu quả làm cho anh Phạm Văn V tử vong, gây đau thương cho gia đình của nạn nhân và mất trật tự trị an tại địa phương.

[3] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường cho gia đình bị hại xong số tiền 36.000.000 đồng; chưa có tiền án, tiền sự; đã trên 60 tuổi (không có tình tiết tăng nặng) và đã xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù là tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; phù hợp với quy định tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06-11-2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo quy định như sau:

“Điều 2. Việc xem xét cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo

1. Chỉ xem xét cho người bị xử phạt tù hưởng án treo khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Bị xử phạt tù không quá 3 năm về tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng theo phân loại tội phạm quy định tại khoản 3 Điều 8 của Bộ luật hình sự;

b) Có nhân thân tốt được chứng minh là ngoài lần phạm tội này họ luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, công tác; không vi phạm các điều mà pháp luật cấm; chưa bao giờ bị kết án, bị xử lý vi phạm hành chính, bị xử lý kỷ luật.

...

c) Có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng;

d) Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự và có từ hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên trong đó có ít nhất một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự;

...

đ) Có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt họ đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, đặc biệt là các tội phạm về tham nhũng”.

[5] Đối chiếu với quy định nêu trên, xét thấy bị cáo Nguyễn Thị U có đủ các điều kiện để được hưởng án treo theo các điểm a, b, c, d, đ; và bị cáo không có tình tiết nào thuộc các trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06-11-2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị U; không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; sửa bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, cho nên bị cáo Nguyễn Thị U không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.
2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị U.
3. Sửa Bản án Hình sự sơ thẩm số: 46/2017/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D.
4. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47, 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).
5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị U 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 02 năm được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (14-3-2018), về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.
6. Giao bị cáo Nguyễn Thị U về Ủy ban nhân dân xã M, huyện D giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.
7. Bị cáo Nguyễn Thị U không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.
8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.
9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- TAND. H.D;
- Công an H.D;
- Chi cục THADS. H.D;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Bị cáo
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Văn Triển